

Số /QĐ-XPHC

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Xử phạt vi phạm hành chính**

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020);  
Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 5472/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại các Công văn: số 11561/STNMT-TTr ngày 30/12/2022, số 655/STNMT-TTr ngày 02/02/2023, Văn bản thẩm định số 97/STP-BTTP ngày 13/01/2023 của Sở Tư pháp; Biên bản vi phạm hành chính số 51/BB-VPHC ngày 28/12/2022, Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 04/BB-XM ngày 31/01/2023 và hồ sơ có liên quan gửi kèm;*

*Tôi: Lê Đức Giang Chức vụ: Phó Chủ tịch;*

*Đơn vị công tác: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân có tên sau đây:

1. Tên cá nhân vi phạm: Bà **Nguyễn Thị Tặng**

Địa chỉ: Thôn Do Lâm, xã Ngọc Lâm, thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

Địa chỉ xảy ra vi phạm: Đội 1, Nông trường Vân Du, thị trấn Vân Du, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Số căn cước công dân: 033171003313.

2. Đã thực hiện các hành vi vi phạm hành chính:

(1) Chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường cho ông Giang Xuân Thanh khi ông Thanh không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định (khối lượng 44.480 kg).

- Quy định tại Điểm k, Khoản 9 Điều 20 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Tình tiết giảm nhẹ: Tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi.

- Tình tiết tăng nặng: Không.

- Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:
  - + Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền. Mức phạt: **62.500.000 đồng** (Sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).
  - + Hình thức xử phạt bổ sung: Không.
  - + Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu, chuyển giao chất thải rắn thông thường cho đơn vị có chức năng xử lý (quy định tại Điểm a, Khoản 13 Điều 20 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ).

Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định: Cá nhân vi phạm đã thực hiện chi trả (quy định tại Điểm b, Khoản 13 Điều 20 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ).

Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong về Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa (qua Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa) trong vòng 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này (quy định tại Điểm c, Khoản 13 Điều 20 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ).

(2) *Chuyển giao chất thải nguy hại cho ông Giang Xuân Thanh khi ông Thanh không có Giấy phép xử lý chất thải nguy hại (khối lượng 17.890 kg).*

- Quy định tại Điểm h, Khoản 6 Điều 23 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Tình tiết giảm nhẹ: Tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi.
- Tình tiết tăng nặng: Không.
- Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:
  - + Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền, mức phạt: **227.500.000 đồng** (Hai trăm hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

+ Hình thức xử phạt bổ sung: Không, do cơ sở xử lý chất thải không có giấy phép (quy định tại Khoản 9 Điều 23 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ).

+ Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong về Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa (qua Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa) trong vòng 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này (quy định tại Điểm c, Khoản 10 Điều 23 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ).

Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định: Cá nhân vi phạm đã thực hiện chi trả (quy định tại Điểm b, Khoản 10 Điều 23 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ).

Tổng số tiền phạt bà Nguyễn Thị Tạng phải nộp phạt là: **290.000.000 đồng** (Hai trăm chín mươi triệu đồng).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Quyết định này được:

1. Giao cho bà Nguyễn Thị Tăng là cá nhân vi phạm để chấp hành.

Bà Nguyễn Thị Tăng phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà bà Nguyễn Thị Tăng không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

a) Bà Nguyễn Thị Tăng phải nộp tiền phạt tại Điều 1 Quyết định này vào tài khoản thu ngân sách nhà nước (số 7111), mã chương 426 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa, tiểu mục 4261, mã cơ quan thu 1014711 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hoá trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt.

Quá thời hạn trên, nếu bà Nguyễn Thị Tăng chưa nộp tiền phạt thì sẽ bị cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt và cứ mỗi ngày chậm nộp phạt bà Nguyễn Thị Tăng phải nộp thêm 0,05% trên tổng số tiền phạt chưa nộp theo quy định tại Khoản 1, Điều 5, Chương II, Thông tư số 153/2013/TT-BTC ngày 31/10/2013 của Bộ Tài chính.

b) Bà Nguyễn Thị Tăng có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc nhà nước tỉnh Thanh Hóa để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Công an tỉnh Thanh Hoá, UBND huyện Thạch Thành để phối hợp thực hiện.

4. Gửi cho Sở Tài nguyên và Môi trường giao Quyết định này cho bà Nguyễn Thị Tăng và tổ chức thực hiện Quyết định này theo quy định của pháp luật.

5. Gửi cho Văn phòng UBND tỉnh để công khai trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh theo quy định tại Khoản 1, Điều 72, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường (04 bản);
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH**  
**Lê Đức Giang**